

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2022/HS-ST

Ngày: 19-5-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Huy Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Thế Cần - Nguyên bí thư Đoàn phường

Ông Hoàng Ngọc Vinh - Hiệu trưởng Trường  
tiểu học cơ sở Nguyễn Tri Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Quang Minh – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 198/2022/TLST-HS ngày 04/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2022/QĐXXST-HS ngày 05/5/2022 đối với bị cáo:

**Dương Đức A** (tên gọi khác: Bé Thỏ), sinh năm 1985 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Tổ 12, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Minh T, sinh năm 1953 và bà Bùi Thị Kim D, sinh năm 1953. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/10/2006 bị cáo bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đưa vào trường giáo dưỡng 18 tháng, theo Quyết định số 9003/QĐ-UBND ngày 12/10/2006, đã chấp hành xong. Ngày 19/12/2009 bị cáo bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng, theo Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 09/12/2009, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 8 năm 2021, sau đó chuyển tạm giam ngày 18 tháng 8 năm 2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa.

***- Bị hại:*** Cháu Trần Thị Trà G, sinh năm 2016. Địa chỉ: tổ 35, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

*Người đại diện hợp pháp của bị hại:* anh Trần Văn P, sinh năm 1988 và chị Phạm Thị T, sinh năm 1992. Cùng địa chỉ: tổ 35, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

*(Bị cáo - có mặt, cháu G, chị T, anh P - Vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 13/8/2021, Dương Đức A đang ở nhà tại địa chỉ số 119 Bis, tổ 12, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì Trần Văn P, sinh năm 1997 là bạn của A đến nhà A chơi. Khoảng 05 phút sau, A rủ P đi mua thuốc lá, A điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha màu xanh, biển số 38F6-2241 chở P ngồi sau đi đến khu vực thuộc tổ 35, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để mua thuốc lá. Khi đi ngang qua nhà anh Trần Văn P, thuộc tổ 35, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, A phát hiện cháu Trần Thị Trà G, sinh ngày 01/01/2016 là con gái anh P đang nằm trên võng trước cửa nhà, trên tay có cầm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10 Lite màu đen, là điện thoại của anh Trần Văn P cho cháu G mượn để sử dụng, thấy không có người lớn trông coi và cháu G còn nhỏ nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên. A điều khiển xe quay lại cách nhà cháu G khoảng 10 mét có bức tường chắn tầm nhìn rồi dừng xe lại bước xuống xe, P hỏi A đi đâu, A không trả lời mà nói P lên điều khiển xe giúp A, còn A đi lại chỗ cháu G giật chiếc điện thoại rồi đi ra ngoài lên xe nói P chạy đi. Khi P chở A đi được khoảng 01 km hỏi A có chuyện gì thì A nói “Có con bé cầm điện thoại, không giật thì uống”. P chở A về nhà của A rồi đi về nhà.

Về đến nhà, A lấy chiếc điện thoại vừa cướp giật ra xem được khoảng 05 phút thì Công an phường T đi vào nhà A kiểm tra, phát hiện A cùng chiếc điện thoại nói trên nên đưa A về trụ sở làm việc. Tại đây, A thừa nhận A là người đã cướp giật chiếc điện thoại di động do cháu G đang sử dụng, Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, xử lý theo pháp luật. P thấy A bị bắt giữ nên hoảng sợ bỏ trốn, ngày 19/08/2021 P đến Công an phường T trình diện và khai báo như nội dung trên.

- Vật chứng vụ án gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10 Lite, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, biển số 38F6-2241, 01 USB chứa dữ liệu điện tử trích xuất từ Camera của người dân tại khu vực xảy ra vụ cướp giật tài sản xảy ra tại tổ 35, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 13/08/2021.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 373 ngày 16/08/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 10 Lite trị giá 5.593.000đ (Năm triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng)

- Về dân sự: Đại diện bị hại anh Trần Văn P đã nhận lại tài sản, anh P, chị T và cháu G không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSBH ngày 18/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Dương Đức A về tội “Cướp giật tài sản”

theo điểm g khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo A khai nhận hành vi đúng như nội dung Cáo trạng, giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, truy tố. Riêng với nội dung trước đây bị cáo khai; trước khi thực hiện hành vi cướp giật, bị cáo bàn bạc, rủ P cùng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và được P đồng ý, là không đúng. Do trước khi thực hiện hành vi cướp giật bị cáo có uống rượu nên không nhớ chính xác. Nay bị cáo xác định lại, bị cáo không bàn bạc, rủ P cùng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, P chỉ đi cùng bị cáo, không biết, không thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm g khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo với mức hình phạt từ: 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu nào khác do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại.

[3]. Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo:

Tại phiên tòa lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ ngày 13/8/2021 tại số 119 Bis, tổ H, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Lợi dụng sơ hở của gia đình bị hại, bị cáo Dương Đức A đã có hành vi ngang nhiên chiếm đoạt một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 10 Lite trị giá 5.593.000đ (Năm triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) của cháu Trần Thị Trà G sinh ngày 01/01/2016 sau đó nhanh chóng tẩu thoát thì bị phát hiện và bắt giữ.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Việc truy tố

bị cáo theo Cáo trạng số 60/CT-VKSBH ngày 18/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là có cơ sở đúng người và đúng tội.

[4]. Xét tính chất, mức độ của hành vi:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo, liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và đối với người dưới 16 tuổi. Vì vậy cần xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Mặc dù lời khai của bị cáo tại quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa có sự khác nhau về việc; bị cáo bàn bạc, rủ P cùng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo đã xác định lại lời khai nội dung nêu trên tại quá trình điều tra, truy tố là không đúng, vì trước khi thực hiện hành vi cướp giật bị cáo có uống rượu nên không nhớ chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, biển số 38F6-2241 là phương tiện bị cáo sử dụng khi đi thực hiện hành vi phạm tội, là xe của ông Dương Minh T. Ông T là bố của bị cáo cho bị cáo mượn xe để sử dụng, ông T không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T là phù hợp.

Điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy Note 10 Lite là của bị hại đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu nào khác nên không đặt ra xem xét.

[7]. Về các nội dung khác có liên quan đến vụ án:

Quá trình điều tra bị cáo A khai; trước khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại, bị cáo có bàn bạc với Trần Văn P và rủ P cùng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và được P đồng ý. Tuy nhiên P không thừa nhận việc bàn bạc với bị cáo để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. P thừa nhận có đi cùng bị cáo, nhưng khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội P không biết, sau khi bị cáo lấy được tài sản trên đường chở bị cáo về khi đi được khoảng 01 km P hỏi bị cáo có chuyện gì thì P mới được bị cáo nói cho biết sự việc. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị cáo và P đối chất nhưng bị cáo và P vẫn giữ nguyên lời khai.

Tại phiên tòa ngày 19/04/2022 bị cáo khai nội dung sự việc nêu trên mâu thuẫn với toàn bộ các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra. Ngày 19/4/2022 Hội đồng xét xử đã ra Quyết định trả hồ sơ số 21/2022/HSST-QĐ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đề nghị làm rõ ý thức chủ quan của Trần Văn P đối với các hành vi khách quan tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội được

phản ánh qua đoạn video mà quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập được. Ngày 29/4/2022, Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Biên Hòa ban hành Văn bản số 803/VKSBBH giữ nguyên quan điểm truy tố. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo tiếp tục khai nhận do trước khi thực hiện hành vi cướp giật bị cáo có uống rượu nên không nhớ chính xác và xác định lại, bị cáo không bàn bạc, rủ P cùng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, P chỉ đi cùng bị cáo, không biết, không thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án không đủ cơ sở để xác định mối quan hệ đồng phạm giữa Trần Văn P và bị cáo Dương Đức A.

[8]. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo về tội danh, điều khoản, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về mức hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Dương Đức A phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 13 tháng 8 năm 2021.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân phường T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Huy Công**

